

Số: **23** /2011/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **23** tháng 3 năm 2011

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về tiêu chí xác định cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc diện phải di dời ra khỏi khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị;

Căn cứ Thông tư số 07/2007/TT-BTNMT ngày 03/7/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn phân loại và quyết định danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường cần phải xử lý;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường – Thường trực Ban chỉ đạo di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu vực đô thị, khu dân cư tập trung tại Tờ trình số 141/TTr-STNMT ngày 09/3/2011,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Quy định về tiêu chí xác định cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc diện phải di dời ra khỏi khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (sau đây gọi tắt là cơ sở) thuộc một trong các tiêu chí sau phải di dời ra khỏi khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai:

a) Có vị trí không phù hợp với quy hoạch xây dựng đô thị hoặc quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

b) Thuộc danh mục gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng nhưng không hoàn thành việc khắc phục ô nhiễm theo đúng thời hạn do cơ quan thẩm quyền quy định.

c) Thuộc danh mục các ngành nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Các cơ sở thuộc Điểm a và c, Khoản 1 Điều này nhưng hoạt động trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hiện hữu trên địa bàn tỉnh không thuộc diện di dời theo tiêu chí nêu trên.

**Điều 2.** Trách nhiệm Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa trong việc xác định cơ sở thuộc diện phải di dời ra khỏi khu vực đô thị:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa có trách nhiệm:

a) Căn cứ tiêu chí được ban hành theo Quyết định này, chỉ đạo kiểm tra, xác định cơ sở phải di dời ra khỏi khu vực đô thị đối với các cơ sở có quy mô phải lập Bản cam kết bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định tại Điều 24, Luật Bảo vệ môi trường.

b) Lập danh sách các cơ sở phải di dời có quy mô cam kết bảo vệ môi trường, trong đó đề xuất thời hạn di dời và dự kiến địa điểm để di dời đối với từng cơ sở, báo cáo Thường trực Ban chỉ đạo di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu vực đô thị, khu dân cư tập trung (gọi tắt là Ban chỉ đạo).

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường - Thường trực Ban chỉ đạo, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Công Thương và các ngành, các cấp có liên quan tổ chức kiểm tra, xác định cơ sở phải di dời ra khỏi khu vực đô thị đối với các cơ sở có quy mô phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (hoặc tương đương) theo quy định tại Điều 18, Luật Bảo vệ môi trường.

b) Tổng hợp danh sách các cơ sở thuộc diện di dời, báo cáo Trưởng ban Ban chỉ đạo để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định công bố danh sách các cơ sở buộc phải di dời.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban chỉ đạo di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu vực đô thị, khu dân cư tập trung, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- TT. Công báo, Website Đồng Nai;
- Lưu: VT, CNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Võ Văn Một

# DANH MỤC CÁC NGÀNH NGHỀ CÓ NGUY CƠ GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23 /2011/QĐ-UBND ngày 23/3/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

<b>1. Nhóm các ngành nghề sản xuất vật liệu xây dựng</b>	
a	Sản xuất xi măng công suất từ 300.000 tấn xi măng/năm trở lên
b	Nghiền clinker sản xuất xi măng
c	Sản xuất gạch, gó.
d	Sản xuất vật liệu xây dựng khác có công suất từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
<b>2. Nhóm các ngành nghề về năng lượng, phóng xạ</b>	
a	Cơ sở có sử dụng chất phóng xạ (trừ các bệnh viện, phòng khám bệnh).
b	Cơ sở có phát sinh chất thải phóng xạ (trừ các bệnh viện, phòng khám bệnh).
<b>3. Nhóm các ngành nghề khai thác khoáng sản</b>	
a	Cơ sở chế biến khoáng sản rắn
b	Cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản rắn có chứa các chất độc hại hoặc có sử dụng hóa chất
<b>4. Nhóm các ngành nghề về xử lý chất thải</b>	
a	Cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn các loại
b	Cơ sở bãi chôn lấp chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại
c	Cơ sở bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt
d	Cơ sở nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt kết hợp làm phân compost
e	Cơ sở sơ chế phế liệu
f	Cơ sở thu mua, phân phối phế liệu (kể cả phế liệu nhập khẩu)
<b>5. Nhóm các ngành nghề về cơ khí, luyện kim</b>	
a	Cơ sở luyện kim đen, luyện kim màu
b	Cơ sở cơ khí, chế tạo máy móc, thiết bị
c	Cơ sở mạ, phun phủ và đánh bóng kim loại
d	Cơ sở sản xuất nhôm định hình
e	Cơ sở tái chế, đúc gang
<b>6. Nhóm các ngành nghề chế biến gỗ, sản xuất thủy tinh, gốm sứ</b>	
a	Cơ sở chế biến gỗ
b	Cơ sở sản xuất ván ép
c	Cơ sở sản xuất thủy tinh, gốm sứ

d	Cơ sở sản xuất sứ vệ sinh
đ	Cơ sở sản xuất gạch men
<b>7. Nhóm các ngành nghề chế biến thực phẩm, nước giải khát</b>	
a	Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm.
b	Cơ sở sản xuất đường
c	Cơ sở sản xuất cồn, rượu
d	Cơ sở sản xuất bia, nước giải khát
đ	Cơ sở sản xuất bột ngọt
e	Cơ sở chế biến dầu ăn, nước chấm
f	Cơ sở sản xuất bánh, kẹo có công suất từ 5.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
g	Cơ sở sản xuất nước đá có công suất thiết kế từ 3000 cây đá/ngày (loại 50 kg/cây) hoặc từ 150.000 kg nước đá/ngày trở lên
<b>8. Nhóm các ngành nghề chế biến nông sản</b>	
a	Cơ sở sản xuất thuốc lá
b	Cơ sở chế biến nguyên liệu thuốc lá
c	Cơ sở xay xát, chế biến gạo có công suất từ 20.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
d	Cơ sở chế biến tinh bột sắn
đ	Cơ sở chế biến hạt điều
e	Cơ sở chế biến cà phê có quy mô 5.000 tấn sản phẩm/năm trở lên đối với phương pháp chế biến ướt, từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên đối với phương pháp chế biến khô, từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên đối với cà phê bột và cà phê hòa tan.
<b>9. Nhóm các ngành nghề chế biến và chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản</b>	
a	Cơ sở chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn thủy sản
b	Cơ sở chăn nuôi gia súc tập trung
c	Cơ sở chăn nuôi gia cầm tập trung
<b>10. Nhóm các ngành nghề sản xuất phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật</b>	
a	Cơ sở sản xuất phân hóa học
b	Cơ sở kho hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật
c	Cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật
d	Cơ sở sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật
đ	Cơ sở sản xuất phân hữu cơ, phân vi sinh
<b>11. Nhóm các ngành nghề về hóa chất, dược phẩm, mỹ phẩm</b>	

a	Cơ sở sản xuất dược phẩm
b	Cơ sở sản xuất vắc xin
c	Cơ sở sản xuất thuốc thú y
d	Cơ sở sản xuất hóa mỹ phẩm
đ	Cơ sở sản xuất chất dẻo, các sản phẩm từ chất dẻo
e	Cơ sở sản xuất bao bì nhựa
f	Cơ sở sản xuất sơn, hóa chất cơ bản
g	Cơ sở sản xuất chất tẩy rửa, phụ gia
<b>12. Nhóm các ngành nghề sản xuất giấy.</b>	
a	Cơ sở sản xuất bột giấy và giấy (từ nguyên liệu)
b	Cơ sở sản xuất giấy từ bột giấy, tái chế
<b>13. Nhóm các ngành nghề về dệt nhuộm và may mặc</b>	
a	Cơ sở dệt có nhuộm
b	Cơ sở dệt không có công đoạn nhuộm
c	Cơ sở sản xuất và gia công các sản phẩm may mặc có công đoạn giặt tẩy
d	Cơ sở giặt là công nghiệp có công suất 50.000 sản phẩm/năm trở lên
<b>14. Nhóm các ngành nghề khác</b>	
a	Cơ sở chế biến mũ cao su.
b	Cơ sở sản xuất săm lốp cao su.
d	Cơ sở sản xuất ắc quy, pin.
đ	Cơ sở thuộc da.